

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÁC ÁI
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 22-9-2023

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁC ÁI, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Đồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Quốc Huy.

Bà Ca Dá Thị Linh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2023/QĐXX-ST ngày 24 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Như N, sinh năm 1996. (Có mặt)

Địa chỉ: thôn M, xã B, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

2. Bị đơn: Anh Phạm Hữu T, sinh năm 1994. (Có mặt)

Địa chỉ: thôn T, xã P, huyện B, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/4/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Như N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T sống chung với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P vào ngày 28/7/2020. Cuộc sống vợ chồng tương đối hạnh phúc, về sau phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng cãi vã; Anh T ít quan tâm vợ con, chị cảm thấy mình không được tôn trọng. Sự việc xảy ra, gia đình đã tiến hành hòa giải nhưng không thành. Từ tháng 4/2023 cho đến nay, vợ chồng không còn sống chung, mỗi người sống một nơi, bỏ mặc

mạnh ai nấy sống, không quan tâm gì tới nhau. Nay mâu thuẫn đã trầm trọng, hạnh phúc gia đình không có nên chị **N** yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **T**.

Về con chung: Chị và anh **T** có 01 người con chung là cháu **Phạm Hải N1**, sinh ngày 19/11/2022. Cháu **N1** còn nhỏ đang sống với mẹ. Khi ly hôn, chị **N** yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu **N1**.

Hiện nay, chị **N** công tác tại **Bệnh viện đa khoa tỉnh N** và cư trú tại **thôn M, xã B, huyện T**. Thu nhập ổn định khoảng 6.900.000 đồng/tháng, đủ trang trải cuộc sống và lo cho con.

Tại đơn khởi kiện, chị yêu cầu anh **T** phải cấp dưỡng nuôi cháu **N1**, mức cấp dưỡng là 4.000.000 đồng/tháng. Quá trình Tòa án giải quyết, chị thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung, nay chị **N** yêu cầu anh **T** phải cấp dưỡng nuôi cháu **N1**, mức cấp dưỡng là 3.250.000 đồng/tháng, kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu **N1** đủ 18 tuổi và có khả năng lao động tự túc.

Về tài sản chung: Gồm có Thửa đất số 347, tờ bản đồ 28a, diện tích 119m², tại **thôn Đ, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận**. Loại đất ở tại nông thôn. Đã được **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DE 304217 ngày 28/3/2022 cho anh **Phạm Hữu T**.

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/4/2023, chị **N** yêu cầu chia tài sản chung, chị và anh **T** mỗi người hưởng ½ tài sản chung. Nay chị **N** xin rút yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Nếu có yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng thì chị sẽ khởi kiện trong vụ án khác.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh **Phạm Hữu T** trình bày:*

Anh **T** thống nhất với lời trình bày của chị **N** về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung và nguyên nhân mâu thuẫn.

Về quan hệ hôn nhân: Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn, hạnh phúc gia đình không có nên anh **T** cũng đồng ý ly hôn với chị **N**.

Về con chung: Anh **T** đồng ý giao cháu **Phạm Hải N1**, sinh ngày 19/11/2022 cho chị **N** được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Anh đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu **N1**, mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng kể từ khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu **N1** đủ 18 tuổi và có khả năng lao động tự túc. Anh yêu cầu chị **N** không được tự ý thay đổi họ tên của cháu **Phạm Hải N1**.

Hiện nay, anh **T** công tác tại **Công an huyện B** và cư trú tại **thôn T, xã P, huyện B**. Thu nhập ổn định với mức lương khoảng 16.500.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Chị **N** rút yêu cầu chia tài sản khi ly hôn.

Chị ngọc và anh **T** thống nhất thuận tình ly hôn, thỏa thuận giao cháu **Phạm Hải N1**, sinh ngày 19/11/2022 cho chị **N** được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Anh **T** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu **N1**, mức cấp dưỡng là 3.250.000 đồng/tháng kể từ khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu **N1** đủ 18 tuổi và có khả năng lao động tự túc. Không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung, nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bác Ái phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bác Ái phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”. Bị đơn cư trú tại **thôn T, xã P, huyện B, tỉnh Ninh Thuận**. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bác Ái theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy, hôn nhân giữa chị **N** và anh **T** đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị **N** và anh **T** thống nhất thuận tình ly hôn.

Áp dụng các điều 55, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 218, Điều 244, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

- Đình chỉ giải quyết yêu cầu của chị **N** về “Chia tài sản khi ly hôn”.

Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại đối với phần yêu cầu đã rút theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **N** và anh **T**.

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị **N** và anh **T**, cụ thể:

Giao cháu **Phạm Hải N1**, sinh ngày 19/11/2022 cho chị **N** được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh **T** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu **N1**, mức cấp dưỡng là 3.250.000 đồng/tháng kể từ khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu **N1** đủ 18 tuổi và có khả năng lao động tự túc.

- Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Chị **N** phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng

được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 7.800.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000021 ngày 04/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bác Ái. Chị **N** được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 7.725.000 đồng.

Anh **T** phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Chị **N** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con, chia tài sản với anh **T**. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại **thôn T, xã P, huyện B, tỉnh Ninh Thuận**; Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **N** và anh **T** chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã P** vào ngày 28/7/2020 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống vợ chồng tương đối hạnh phúc, về sau do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã, anh **T** ít quan tâm vợ con nên mâu thuẫn gia đình xảy ra và ngày càng trầm trọng. Từ tháng 4/2023 đến nay, hai người không còn sống chung với nhau, bỏ mặc nhau ai nấy sống, không quan tâm gì tới nhau. Mâu thuẫn giữa chị **N** và anh **T** đã trầm trọng không thể hàn gắn được nữa, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị **N** yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và anh **T** cũng đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **N** và anh **T**.

2.2. Về con chung: Có 01 người con chung là cháu **Phạm Hải N1**, sinh ngày 19/11/2022. Chị **N** và anh **T** cùng thống nhất giao cháu **N1** cho chị **N** được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Anh **T** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu **N1**, mức cấp dưỡng là 3.250.000 đồng/tháng cho đến khi cháu **N1** đủ 18 tuổi và có khả năng lao động tự túc. Hiện nay, chị **N** và anh **T** đều có thu nhập ổn định. Xét thấy, cháu **N1** còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi đang sống với mẹ, thỏa thuận của chị **N** và anh **T** phù hợp với khoản 2, khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của chị **N** và anh **T**.

2.3. Về tài sản chung: Gồm có Thửa đất số 347, tờ bản đồ 28a, diện tích 119m², tại **thôn Đ, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận**. Loại đất ở tại nông thôn. Đã được **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DE 304217 ngày 28/3/2022 cho anh **Phạm Hữu T**. Anh **T** không yêu cầu giải quyết. Chị **N** xin rút yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Việc rút yêu cầu chia tài sản khi ly hôn của chị **N** là tự nguyện nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 217, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản khi ly hôn. Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại đối với phần yêu cầu đã rút theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

2.4. Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Chị **N** và anh **T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 217, Điều 218, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng các điều 55, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của chị **Nguyễn Thị Như N** về “*Chia tài sản khi ly hôn*”.

Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại đối với phần yêu cầu đã rút theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

2. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Nguyễn Thị Như N** và anh **Phạm Hữu T**.

3. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị **Nguyễn Thị Như N** và anh **Phạm Hữu T**. Cụ thể: Giao cháu **Phạm Hải N1**, sinh ngày 19/11/2022 cho chị **Nguyễn Thị Như N** được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Anh **Phạm Hữu T** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu **Phạm Hải N1**, mức cấp dưỡng là 3.250.000 đồng/tháng, kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu **Phạm Hải N1** đủ 18 tuổi và có khả năng lao động tự túc.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không thanh toán cho người được thi hành án số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải tiếp tục trả cho người được thi hành án một khoản lãi suất của số tiền chậm trả được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

4. Về án phí: Chị **Nguyễn Thị Như N** phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 7.800.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000021 ngày 04 tháng 05 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Ái. Chị **Nguyễn Thị Như N** được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 7.725.000 đồng.

Anh **Phạm Hữu T** phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Bắc Ái;
- Chi cục THADS huyện Bắc Ái;
- UBND xã Phước Đại;
- UBND xã Bắc Phong;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Kim Đồng

